

Số: 3003/2020/TB-ACM

Bắc Giang, ngày 30 tháng 03 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ**  
**CỦA UBCKNN VÀ SGDK HÀ NỘI**

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán nhà nước**  
**Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Công ty: **Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường**  
Trụ sở chính: **Thôn Gốc Gạo, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, Tỉnh Bắc Giang**  
Điện thoại: **0204 222 6669** Fax: **0204 222 6669**  
Mã chứng khoán: **ACM**  
Người công bố thông tin: **Vũ Thị Thu Hiền**  
Loại thông tin công bố: **Định kỳ**

**Nội dung thông tin công bố:**

- Báo cáo tài chính tổng hợp và văn phòng năm 2019 đã được kiểm toán.
- Giải trình chênh lệch lợi nhuận và ý kiến ngoại trừ của kiểm toán trên báo cáo Tổng hợp và Văn phòng năm 2019 sau kiểm toán.

Thông tin này được công bố trên trang điện tử của Công ty vào ngày 30/03/2020 tại Website: [acuonggroup.vn](http://acuonggroup.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**VŨ THỊ THU HIỀN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**

Tháng 03 năm 2020

## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	10 - 28



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG

Thôn Gốc Gạo, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường tiền thân là Công ty TNHH Tam Cường. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 048157 ngày 15 tháng 02 năm 1996 và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100511368, thay đổi lần thứ 25 ngày 14 tháng 06 năm 2018. Doanh nghiệp đăng ký chuyển sang Công ty cổ phần ngày 16 tháng 09 năm 2011.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: A CUONG MINERAL GROUP JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: AC GROUP ., JSC.

Mã chứng khoán niêm yết: ACM

Vốn điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường là: 510.000.000.000 đồng (Năm trăm mười tỷ đồng chẵn).

Trụ sở chính của Công ty: Thôn Gốc Gạo, Xã Cẩm Đàn, Huyện Sơn Động, Tỉnh Bắc Giang.

Văn phòng giao dịch: Số 5-7 Nguyễn Khắc Nhu, phường Nguyễn Trung Trực, quận Ba Đình, TP Hà Nội.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Họ tên

#### Chức vụ

#### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Xuân Thanh	Chủ tịch Hội đồng quản trị	
Bà Phạm Thị Thúy Hạnh	Thành viên	
Bà Vũ Thị Thu Hiền	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22/5/2019
Ông Nguyễn Văn Hiền	Thành viên	
Ông Phạm Văn Tiến	Thành viên	

#### Ban Tổng Giám đốc

Bà Phạm Thị Thúy Hạnh Tổng Giám đốc

#### Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Doan	Trưởng ban kiểm soát
Bà Đinh Ngọc San	Thành viên
Bà Phạm Thị Thu Hoài	Thành viên

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG

Thôn Gốc Gạo, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính tổng hợp để Báo cáo tài chính tổng hợp không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết việc công bố thông tin theo quy định tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ về hướng dẫn quản trị công ty áp dụng cho các Công ty đại chúng có hiệu lực thi hành từ ngày 01/08/2017 và Thông tư số 155/2015 TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và Đại diện pháp luật của Công ty.



**Phạm Thị Thủy Hạnh**

**Tổng Giám đốc**

Bắc Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Số: 391/2020/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019  
của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường

**Kính gửi:** **Các cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường, được lập ngày 25 tháng 03 năm 2020, từ trang 6 đến trang 28, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Tại Báo cáo tài chính của công ty liên kết - Công ty cổ phần tập đoàn khoáng sản Tam Cường thể hiện khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác 55 tỷ đồng, trong đó tỷ lệ sở hữu của công ty trong khoản này là 9,7 tỷ đồng. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ hồ sơ để đánh giá khoản đầu tư trên của Công ty cổ phần tập đoàn khoáng sản Tam Cường có bị suy giảm giá trị hay không và ảnh hưởng (nếu có) tới khoản đầu tư của công ty vào công ty liên kết.

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như trình bày tại thuyết minh số 6.02 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo Quyết định Số 663/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Giang ngày 11 tháng 09 năm 2019 về việc khắc phục sự cố môi trường của Dự án “Nhà máy tuyển và luyện đồng công suất 1.000 tấn/năm” do đó đáp ứng điều kiện đủ đi vào hoạt động sản xuất ổn định trở lại theo quy định của các cơ quan Ban ngành.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán, kiểm toán viên đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ do Công ty thực hiện thanh toán bằng tiền mặt cho nhà cung cấp số tiền là 5.436.391.400 đồng dẫn đến số thuế giá trị gia tăng đầu vào không được khấu trừ là 494.217.400 đồng, làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2018 giảm với giá trị tương ứng là 494.217.400 đồng. Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ vẫn tiếp tục ảnh hưởng tới Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.



**Phan Huy Thăng**  
**Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0147-2018-137-1

*Thay mặt và đại diện*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network**

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2020

**Nguyễn Thị Ngọc Châm**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2980-2019-137-1

1/1/2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	MS	TM	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>134.892.711.133</b>	<b>121.204.165.536</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.01</b>	<b>3.002.960.173</b>	<b>296.501.279</b>
1. Tiền	111		3.002.960.173	296.501.279
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>66.454.121.767</b>	<b>43.746.151.157</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.02	121.632.204.819	133.896.648.352
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.03	3.488.500.000	3.482.500.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.04	22.500.000.000	13.973.847
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(81.166.583.052)	(93.646.971.042)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>63.947.653.283</b>	<b>75.800.578.814</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.05	63.947.653.283	75.800.578.814
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.487.975.910</b>	<b>1.360.934.286</b>
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.467.574.496	1.340.532.872
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		20.401.414	20.401.414
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>445.363.699.241</b>	<b>448.162.750.623</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>43.484.000.000</b>	<b>43.484.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.04	43.484.000.000	43.484.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>264.913.258.950</b>	<b>266.144.779.784</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.06	264.913.258.950	266.144.779.784
- Nguyên giá	222		316.878.669.988	316.878.669.988
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(51.965.411.038)	(50.733.890.204)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>58.057.523.952</b>	<b>58.057.523.952</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.08	58.057.523.952	58.057.523.952
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.07</b>	<b>75.115.762.105</b>	<b>75.200.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		75.200.000.000	75.200.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(84.237.895)	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.793.154.234</b>	<b>5.276.446.887</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.09	3.793.154.234	5.276.446.887
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>580.256.410.374</b>	<b>569.366.916.159</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	MS	TM	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>151.192.041.153</b>	<b>140.422.414.924</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>115.324.072.145</b>	<b>78.952.739.805</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	3.609.194.948	3.613.431.403
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		200.000.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	10.887.165.974	8.828.607.090
4. Phải trả người lao động	314		-	47.284.231
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	28.363.667.775	19.699.079.744
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	28.701.011.429	28.803.011.429
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	42.639.032.019	17.037.325.908
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		924.000.000	924.000.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>35.867.969.008</b>	<b>61.469.675.119</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14	35.867.969.008	61.469.675.119
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>429.064.369.221</b>	<b>428.944.501.235</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.15</b>	<b>429.064.369.221</b>	<b>428.944.501.235</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		510.000.000.000	510.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		510.000.000.000	510.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.800.000.000	1.800.000.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(82.735.630.779)	(82.855.498.765)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(82.855.498.765)	(13.993.669)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		119.867.986	(82.841.505.096)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>580.256.410.374</b>	<b>569.366.916.159</b>

Bắc Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc

Phụ trách kế toán

Nguyễn Văn Quyết

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Thúy Hạnh



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.16	14.979.600.000	19.087.166.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		14.979.600.000	19.087.166.000
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	13.506.546.769	12.857.479.872
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>1.473.053.231</b>	<b>6.229.686.128</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		41.841	54.498
7. Chi phí tài chính	22	5.18	8.748.825.926	8.210.171.811
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	<i>8.664.588.031</i>	<i>8.210.171.811</i>
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.19	(7.863.412.621)	77.707.753.969
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>587.681.767</b>	<b>(79.688.185.154)</b>
11. Thu nhập khác	31		-	97.994.486
12. Chi phí khác	32		40.010	3.251.314.428
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>	5.20	<b>(40.010)</b>	<b>(3.153.319.942)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	5.21	<b>587.641.757</b>	<b>(82.841.505.096)</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		467.773.771	-
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>119.867.986</b>	<b>(82.841.505.096)</b>
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		402	-

Bắc Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Ngọc

Nguyễn Văn Quyết

Phạm Thị Thúy Hạnh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**  
 (Theo phương pháp trực tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		28.929.526.900	7.000.255.882
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.428.225.828)	(11.398.464.654)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.551.246.095)	(2.996.675.651)
4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.200.705.760	31.404.147.000
5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(24.444.343.684)	(31.944.868.084)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>2.706.417.053</b>	<b>(7.935.605.507)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(8.000.000.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		41.841	54.498
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>41.841</b>	<b>(7.999.945.502)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		2.706.458.894	(15.935.551.009)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.01	296.501.279	16.232.052.288
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>5.01</b>	<b>3.002.960.173</b>	<b>296.501.279</b>

Người lập biểu



Nguyễn Thị Ngọc

Phụ trách kế toán



Nguyễn Văn Quyết

Bắc Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Thúy Hạnh

## **1. THÔNG TIN KHAI QUÁT**

### **Lịch sử phát triển**

Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường tiền thân là Công ty TNHH Tam Cường. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 048157 ngày 15 tháng 02 năm 1996 và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100511368, thay đổi lần thứ 25 ngày 14 tháng 06 năm 2018. Doanh nghiệp đăng ký chuyển sang Công ty cổ phần ngày 16/09/2011.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: A CUONG MINERAL GROUP JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: AC GROUP ., JSC.

Mã chứng khoán niêm yết: ACM

### **Vốn điều lệ và hình thức sở hữu vốn**

Vốn điều lệ Công ty là: 510.000.000.000 đồng (Năm trăm mười tỷ đồng).

Trụ sở chính của Công ty: Thôn Gốc Gạo, Xã Cẩm Đàn, Huyện Sơn Động, Tỉnh Bắc Giang.

### **Người đại diện theo pháp luật của Công ty:**

Bà Phạm Thị Thúy Hạnh - Tổng Giám đốc.

### **Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là chế biến quặng đồng và tinh quặng, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm đồng.

### **Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100511368 thay đổi lần thứ 25 ngày 14/06/2018, ngành nghề hoạt động kinh doanh chính của Công ty như sau:

- Khai thác quặng nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc; Khai thác khí đốt tự nhiên; Khai thác dầu thô; Khai thác và thu gom than non, than cứng; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất hóa chất cơ bản; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Sản xuất than cốc; Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại; Chuẩn bị mặt bằng;
- Bán buôn, bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác; Bán buôn dầu thô; Bán buôn xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng khác; Bán buôn vải, hàng may sẵn giày dép;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Dịch vụ liên quan đến in; in ấn; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Đại lý, môi giới; Dịch vụ vận tải;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng nhà các loại;

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
Văn phòng Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường	Thôn Góc Gạo, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường tại Bắc Giang	Thôn Góc Gạo, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số 0100511368-004 do Sở KH&ĐT tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 26/06/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 31/03/2014;
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường - Mỏ than Đồng Tân	Thôn Lái, xã An Bá, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số 0100511368-005 do Sở KH&ĐT tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 22/07/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 19/11/2012;
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường tại Hà Nội	Số 5-7 Nguyễn Khắc Nhu, phường Nguyễn Trung Trục, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số 0100511368-006 do Sở KH&ĐT thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23/11/2015;
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường tại Hà Nội	Số 4 Lò Rèn, phường Hàng Bò, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số 0100511368-007 do Sở KH&ĐT thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/07/2017.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/06/2016 sửa đổi một số điều của Thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/06/2016 sửa đổi một số điều của thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính được tổng hợp từ Báo cáo tài chính của văn phòng Công ty, Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường - Mỏ than Đồng Tân và Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường tại Bắc Giang.

##### Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

##### Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

##### Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

##### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

##### Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

##### Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con, liên doanh, liên kết: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

#### **Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính tổng hợp.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

#### **Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí sản xuất chung phân bổ và chi phí khác (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

#### **Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình, vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013. Thông Tư 147 hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi TT 45 về trích khấu hao tài sản cố định hiệu lực từ 28/11/2016 và Thông tư 28/2016/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC hướng dẫn chế độ, quản lý, sử dụng, và trích khấu hao TSCĐ.

##### **a. Nguyên tắc kế toán**

###### **Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

##### **b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao đối với các tài sản mua mới:

<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>Thời gian khấu hao (năm)</b>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	8-30
Máy móc và thiết bị	3-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4

#### **Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí đầu tư, mua sắm, chi phí dịch vụ, chi phí lãi vay và các khoản chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời gian từ 01 năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### **Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.



#### **Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau: Chi phí trích trước lãi tiền vay

#### **Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn chủ sở hữu hiện nay của Công ty chỉ có cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại Hội đồng cổ đông thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông thường niên của Công ty

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ và Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên hàng năm của Công ty.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

#### **Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

#### **Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán: Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập phải nộp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất hiện hành là 20% trên thu nhập tính thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các Công ty con của Công ty, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Người quản lý của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.01 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	2.994.837.411	288.091.537
Tiền gửi ngân hàng	8.122.762	8.409.742
<b>Cộng</b>	<b>3.002.960.173</b>	<b>296.501.279</b>

**5.02 Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư phát triển DHA Hà Nội	32.423.743.350	52.683.743.350
Công ty TNHH Lê Giang	31.047.530.350	36.515.530.350
Công ty TNHH Kim loại màu Vũ Gia	21.135.321.152	21.135.321.152
Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Thăng Long	18.742.096.167	20.444.432.800
Công ty cổ phần Diệp Bảo Anh	18.155.060.000	2.227.500.000
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Trần Xuân Sơn		275.000.000
Công ty cổ phần Thương mại XNK Thiên Phú Việt Nam	-	190.376.700
Công ty cổ phần Thương mại dịch vụ Xây dựng Đồng Tâm	-	150.040.000
Công ty TNHH MTV Trọng điểm Bắc Giang	-	146.250.200
Công ty TNHH MTV Thương mại tổng hợp Xuất nhập khẩu Thảo Anh	128.453.800	128.453.800
<b>Cộng</b>	<b>121.632.204.819</b>	<b>133.896.648.352</b>

**Nợ xấu**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư phát triển DHA Hà Nội	28.983.731.550	39.011.345.545
Công ty TNHH Lê Giang	31.047.530.350	33.500.304.345
Công ty TNHH Kim loại màu Vũ Gia	21.135.321.152	21.135.321.152
<b>Cộng</b>	<b>81.166.583.052</b>	<b>93.646.971.042</b>

**5.03 Trả trước người bán ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty CP Tư Vấn Tài Nguyên và Môi Trường Việt Nam	915.000.000	915.000.000
Công ty TNHH MTV Xây Lắp Bắc Giang	500.000.000	500.000.000
Nhóm chuyên gia tư vấn tài chính	600.500.000	594.500.000
Nguyễn Văn Hiếu	750.000.000	750.000.000
Nguyễn Văn Khánh	723.000.000	723.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.488.500.000</b>	<b>3.482.500.000</b>

**5.04 Phải thu khác**

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>22.500.000.000</b>	-	<b>13.973.847</b>	-
Tạm ứng (*)	22.500.000.000	-	-	-
Nguyễn Xuân Thanh	8.500.000.000	-	-	-
Phạm Thị Minh Nguyệt	5.000.000.000	-	-	-
Phạm Thị Thúy Hạnh	9.000.000.000	-	-	-
Phải thu khác ngắn hạn	-	-	13.973.847	-
<b>Dài hạn</b>	<b>43.484.000.000</b>	-	<b>43.484.000.000</b>	-
Công ty Cổ phần Đô Linh (**)	43.484.000.000	-	43.484.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>65.984.000.000</b>	-	<b>43.497.973.847</b>	-

(\*) Tạm ứng để triển khai dự án "Khai thác và chế biến quặng vàng gôc tại xã Minh Phong, xã Sa Lý, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang" theo các Quyết định phê duyệt quy hoạch số 2184/QĐ-UBND và 2185/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 của UBND huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

(\*\*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 0644603665 ngày 12/04/2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An chứng nhận dự án Nhà máy sản xuất và chế biến quặng vàng gôc tại khu Tà Sỏi, xã Châu Hạnh, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường và Công ty Cổ phần Đô Linh. Tổng vốn đầu tư dự án là 330,22 tỷ đồng. Thời gian hoạt động của dự án là 50 năm kể từ ngày được nhận bàn giao mặt bằng.

**5.05 Hàng tồn kho**

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	37.400.416.728	-	51.072.541.274	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.877.569.457	-	9.307.244.219	-
Thành phẩm	17.669.667.098	-	15.420.793.321	-
<b>Cộng</b>	<b>63.947.653.283</b>	-	<b>75.800.578.814</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG**  
 Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu B09-DN

**5.06 Tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị : VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2019	85.795.043.005	63.060.964.475	5.991.218.679	59.806.000	161.971.637.829	316.878.669.988
Tăng trong năm (*)	161.971.637.829	-	-	-	-	161.971.637.829
Giảm trong năm	-	-	-	-	161.971.637.829	161.971.637.829
Số dư tại ngày 31/12/2019	<u>247.766.680.834</u>	<u>63.060.964.475</u>	<u>5.991.218.679</u>	<u>59.806.000</u>	-	<u>316.878.669.988</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2019	8.554.176.894	16.756.646.271	4.296.384.183	59.806.000	21.066.876.856	50.733.890.204
Tăng trong năm	21.966.297.772	24.198.844	392.313.814	-	-	22.382.810.430
Khấu hao trong năm	815.008.176	24.198.844	392.313.814	-	-	1.231.520.834
Tăng khác	21.151.289.596	-	-	-	-	21.151.289.596
Giảm trong năm	-	84.412.740	-	-	21.066.876.856	21.151.289.596
Giảm khác (**)	-	84.412.740	-	-	-	84.412.740
Số dư tại ngày 31/12/2019	<u>30.520.474.666</u>	<u>16.696.432.375</u>	<u>4.688.697.997</u>	<u>59.806.000</u>	-	<u>51.965.411.038</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2019	<u>77.240.866.111</u>	<u>46.304.318.204</u>	<u>1.694.834.496</u>	-	<u>140.904.760.973</u>	<u>266.144.779.784</u>
Tại ngày 31/12/2019	<u>217.246.206.168</u>	<u>46.364.532.100</u>	<u>1.302.520.682</u>	-	-	<u>264.913.258.950</u>

(\*) Phân loại TSCĐ khác là đường vào các khu mỏ sang nhà cửa, vật kiến trúc cho đúng bản chất.

(\*\*) Giảm chi phí khấu hao đối với tài sản không sử dụng trong thời gian nhà máy buộc tạm dừng hoạt động sản xuất theo Kết luận thanh tra về bảo vệ môi trường và khoáng sản của Sở Tài nguyên và Môi trường.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG**

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu B09-DN

**5.07 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2019 (VND)			01/01/2019 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết</b>						
Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Tam Cường (*)	75.200.000.000	75.115.762.105	84.237.895	75.200.000.000	75.200.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>75.200.000.000</b>	<b>75.115.762.105</b>	<b>84.237.895</b>	<b>75.200.000.000</b>	<b>75.200.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Tam Cường hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102264114 do Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17/05/2007, thay đổi lần thứ 12 ngày 03/07/2017. Đến thời điểm 31/12/2019, chưa có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu B09-DN

**5.08 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí xây dựng hệ thống kê, đập	8.820.993.284	8.820.993.284
Chi phí xây dựng "Nhà máy tuyển luyện đồng theo phương pháp tuyển nổi công suất 500 tấn/ngày"	46.682.316.936	46.682.316.936
Chi phí dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy luyện đồng công suất 1000 tấn/năm	2.554.213.732	2.554.213.732
<b>Cộng</b>	<b>58.057.523.952</b>	<b>58.057.523.952</b>

**5.09 Chi phí trả trước**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí trả trước dài hạn	3.793.154.234	5.276.446.887
<b>Cộng</b>	<b>3.793.154.234</b>	<b>5.276.446.887</b>

**5.10 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Ngọc Diệp	1.471.558.706	1.471.558.706	1.471.558.706	1.471.558.706
Công ty Cổ phần phát triển 117	523.815.435	523.815.435	523.815.435	523.815.435
Công ty Cổ Phần Đại Đồng Xuân	514.382.724	514.382.724	430.218.074	430.218.074
DNTN Dương Hải Anh	377.565.613	377.565.613	377.565.613	377.565.613
Công ty CP Đầu Tư Thương Mại và Phát Triển Dịch Vụ Nhất Long	368.242.000	368.242.000	368.242.000	368.242.000
Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Nặng Thành Công	142.242.900	142.242.900	142.242.900	142.242.900
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ an ninh Yên Việt	112.456.457	112.456.457	119.859.683	119.859.683
Công ty Cổ Phần EJC	56.092.000	56.092.000	179.928.992	179.928.992
Công ty Cổ Phần EDC	42.839.113	42.839.113	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.609.194.948</b>	<b>3.609.194.948</b>	<b>3.613.431.403</b>	<b>3.613.431.403</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Mẫu B09-DN**

**5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

*Đơn vị: VND*

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2019
<b>Phải nộp</b>	<b>8.828.607.090</b>	<b>2.496.805.193</b>	<b>438.246.309</b>	<b>10.887.165.974</b>
Thuế giá trị gia tăng	6.686.958.547	1.497.960.000	11.819.241	8.173.099.306
Thuế bảo vệ môi trường	38.452.800	-	-	38.452.800
Thuế tài nguyên	247.780.870	77.393.000	77.393.000	247.780.870
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.209.742.082	467.773.771	-	1.677.515.853
Thuế thu nhập cá nhân	368.737.291	22.838.222	113.076.868	278.498.645
Lệ phí môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
Phí lệ phí, các khoản phải nộp khác	276.935.500	425.840.200	230.957.200	471.818.500
<b>Cộng</b>	<b>8.828.607.090</b>	<b>2.496.805.193</b>	<b>438.246.309</b>	<b>10.887.165.974</b>

**5.12 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí lãi vay	28.363.667.775	19.699.079.744
<b>Cộng</b>	<b>28.363.667.775</b>	<b>19.699.079.744</b>

**5.13 Các khoản phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Bảo hiểm xã hội	261.786.406	261.786.406
Bảo hiểm y tế	39.565.398	39.565.398
Bảo hiểm thất nghiệp	19.353.263	19.353.263
Phải trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2016 (*)	25.500.000.000	25.500.000.000
Nguyễn Văn Hiền	-	42.000.000
Phạm Văn Tiến	-	60.000.000
Phải trả tiền phạt và chậm nộp thuế	2.880.306.362	2.880.306.362
<b>Cộng</b>	<b>28.701.011.429</b>	<b>28.803.011.429</b>

(\*) Công văn số 5823/VSD-ĐK của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam ngày 24/06/2019 thông báo việc thay đổi về thời gian chi trả cổ tức đợt 1 năm 2015 của Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường là ngày 30/06/2021.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Mẫu B09-DN**

**5.14 Vay và nợ thuê tài chính**

	01/01/2019 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2019 VND
<b>Ngắn hạn (1)</b>	<b>17.037.325.908</b>	<b>25.601.706.111</b>	-	<b>42.639.032.019</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Tây Hồ	17.037.325.908	25.601.706.111	-	42.639.032.019
<b>Dài hạn (2)</b>	<b>61.469.675.119</b>	-	<b>25.601.706.111</b>	<b>35.867.969.008</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Tây Hồ	61.469.675.119	-	25.601.706.111	35.867.969.008
<b>Tổng</b>	<b>78.507.001.027</b>	<b>25.601.706.111</b>	<b>25.601.706.111</b>	<b>78.507.001.027</b>

(1) Hợp đồng Hạn mức số 02/2013/HĐ ngày 02/12/2013, hạn mức vay 45.000.000.000 đồng;  
 Mục đích vay: “Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất đồng tấm, khoáng sản đi kèm với khai thác than”; Thế chấp, cầm cố bằng các tài sản thuộc quyền sở hữu; Các tài sản hình thành bằng vốn vay; Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ; Các khoản thu theo các Hợp đồng kinh tế với bên vay là người thụ hưởng;  
 Lãi suất thả nổi; Thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

Hợp đồng số 01/2015/2635737/HĐTD ngày 18/12/2015, hạn mức vay 15.000.000.000 đồng;  
 Mục đích vay: “Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh”;  
 Thế chấp, cầm cố bằng các tài sản thuộc quyền sở hữu; Các tài sản hình thành bằng vốn vay; Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ; Các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế với bên vay là người thụ hưởng;  
 Lãi suất thả nổi; Thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

- Hợp đồng số 01/2014/2635737/HĐTD ngày 27/06/2014, hạn mức vay 15.697.000.000 đồng;  
 Mục đích vay: “Bù đắp vốn ngắn hạn đã đầu tư vào Dự án mở rộng nhà máy tuyển và luyện đồng theo phương pháp tuyển nổi và truyền từ tại nhà máy tuyển và luyện đồng huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang”; Thế chấp, cầm cố bằng các tài sản thuộc quyền sở hữu; Các tài sản hình thành bằng vốn vay; Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ; Các khoản thu theo các Hợp đồng kinh tế với bên vay là người thụ hưởng;  
 Lãi suất thả nổi; Thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

(2) Hợp đồng số 01/2009/2635737/HĐTDTH ngày 24/11/2009, hạn mức vay 30.000.000.000 đồng;  
 Mục đích vay: “Thực hiện dự án đầu tư nhà máy tuyển và luyện đồng, công suất 1.550 tấn/năm giai đoạn II - Hòa luyện - Phân thiết bị của Công ty TNHH Tam cường”;  
 Tài sản thế chấp: Thế chấp bằng toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất, số dư tài khoản tiền gửi tại ngân hàng; Doanh thu từ dự án chuyển vào tiền gửi thanh toán mở tại chi nhánh; Các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế với bên vay là người thụ hưởng;  
 Lãi suất thả nổi; Thời hạn vay: 120 tháng;  
 Hợp đồng sửa đổi bổ sung điều khoản số 03/2014/2635737/HĐTD ngày 30/06/2014, trong đó điều chỉnh thời gian cho vay từ ngày nhận món vay đầu tiên đến ngày 31/12/2019.

Hợp đồng hạn mức số 01/2013/HĐ ngày 25/03/2013, Hạn mức vay 3.700.000.000 đồng;  
 Mục đích vay: “Đầu tư dự án Mua 5 xe ô tô tải VOLVO phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty”;  
 Lãi suất thả nổi; Thời hạn vay 48 tháng.

**5.15 Vốn chủ sở hữu**

**a. Biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của Chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Năm 2018</b>				
Số dư tại 01/01/2018	510.000.000.000	1.800.000.000	(13.993.669)	511.786.006.331
Tăng trong năm	-	-	(82.841.505.096)	(82.841.505.096)
Lỗi trong năm	-	-	(82.841.505.096)	(82.841.505.096)
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>510.000.000.000</b>	<b>1.800.000.000</b>	<b>(82.855.498.765)</b>	<b>428.944.501.235</b>
<b>Năm 2019</b>				
Số dư 01/01/2019	510.000.000.000	1.800.000.000	(82.855.498.765)	428.944.501.235
Tăng trong năm	-	-	119.867.986	119.867.986
Lãi trong năm	-	-	119.867.986	119.867.986
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	<b>510.000.000.000</b>	<b>1.800.000.000</b>	<b>(82.735.630.779)</b>	<b>429.064.369.221</b>

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Vốn góp của các cổ đông	510.000.000.000	510.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>510.000.000.000</b>	<b>510.000.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu năm	510.000.000.000	510.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	510.000.000.000	510.000.000.000
<b>Cổ tức đã chia</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	51.000.000	51.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	51.000.000	51.000.000
Cổ phiếu phổ thông	51.000.000	51.000.000
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>51.000.000</b>	<b>51.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	51.000.000	51.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Mẫu B09-DN**

**5.16 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.979.600.000	19.087.166.000
<b>Cộng</b>	<b>14.979.600.000</b>	<b>19.087.166.000</b>

**5.17 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	13.506.546.769	12.857.479.872
<b>Cộng</b>	<b>13.506.546.769</b>	<b>12.857.479.872</b>

**5.18 Chi phí tài chính**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí lãi tiền vay	8.664.588.031	8.210.171.811
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	84.237.895	-
<b>Cộng</b>	<b>8.748.825.926</b>	<b>8.210.171.811</b>

**5.19 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.259.462.412	1.463.025.307
Chi phí khấu hao TSCĐ	369.845.442	414.197.531
Thuế, phí, lệ phí	11.991.099	11.000.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.446.264	233.813.600
Chi phí khác bằng tiền	2.950.230.152	3.074.067.241
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(12.480.387.990)	72.511.649.890
<b>Cộng</b>	<b>(7.863.412.621)</b>	<b>77.707.753.969</b>

**5.20 Thu nhập khác/Chi phí khác**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập khác	-	97.994.486
Thu nhập khác	-	97.994.486
<b>Chi phí khác</b>	<b>40.010</b>	<b>3.251.314.428</b>
Chi phí phạt	40.010	3.251.314.428
<b>Lợi nhuận/(lỗ) khác</b>	<b>(40.010)</b>	<b>(3.153.319.942)</b>

5.21 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	587.641.757	(82.841.505.096)
- Văn phòng	(1.650.391.836)	(80.888.859.684)
- Chi nhánh Bắc Giang	(100.795.262)	(1.291.036.665)
- Chi nhánh mỏ Đồng Tân	2.338.868.855	(661.608.747)
Điều chỉnh tăng các chi phí không được trừ	40.010	-
Thuế TNDN phải nộp	467.773.771	(163.730.364.781)
- Văn phòng	-	-
- Chi nhánh Bắc Giang	-	-
- Chi nhánh mỏ Đồng Tân	467.773.771	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>467.773.771</b>	<b>-</b>

5.22 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu	491.198.221	775.622.208
Chi phí nhân công	1.536.845.884	2.256.545.424
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.226.465.257	20.707.966.397
Chi phí dịch vụ mua ngoài	863.064.785	1.024.505.311
Chi phí bằng tiền khác	2.950.230.152	769.855.153
<b>Cộng</b>	<b>7.067.804.299</b>	<b>25.534.494.493</b>

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch với các bên liên quan

a. Thông tin chung về các bên liên quan

Họ và tên	Mối quan hệ
Ông Nguyễn Xuân Thanh	Chủ tịch HĐQT
Bà Phạm Thị Thúy Hạnh	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Tiến	Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Tam Cường	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đô Linh	Góp vốn đầu tư

b. Số dư với các bên liên quan

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Tạm ứng</b>		
Ông Nguyễn Xuân Thanh	8.500.000.000	7.485.385
Bà Phạm Thị Thúy Hạnh	9.000.000.000	-
Bà Phạm Thị Minh Nguyệt	5.000.000.000	-

c. Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	539.000.000	774.030.769

6.2 Hoạt động liên tục

Công ty đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo Quyết định Số 663/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Giang ngày 11 tháng 09 năm 2019 về việc khắc phục sự cố môi trường của Dự án “Nhà máy tuyển và luyện đồng công suất 1.000 tấn/năm” do đó đáp ứng điều kiện đủ đi vào hoạt động sản xuất ổn định trở lại theo quy định của các cơ quan Ban ngành.

6.3 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên BCTC năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network, Báo cáo kiểm toán độc lập số 333/2019/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM phát hành ngày 28 tháng 03 năm 2019.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc

Phụ trách kế toán

Nguyễn Văn Quyết

Bắc Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Thúy Hạnh